

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Khoa học Tự nhiên

Khóa: 2021

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐHSP ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	14	0	1		
1	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0		
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0	21231902	
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	21321901	
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	21221903	
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	21221904	
6	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
		Học phần Tự chọn						
8	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
9	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		
12	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			134	68.5	29.5	36		
		Kiến thức Cơ sở ngành	12	7.5	2.5	2		
13	31922225	Khoa học trái đất	2	1.5	0.5	0		
14	31121004	Giải tích	2	1.5	0.5	0		
15	31121005	Đại số tuyến tính	2	1.5	0.5	0		
16	31442259	Hóa học đại cương	4	3	1	0		
17	31422261	Thí nghiệm hóa đại cương	2	0	0	2		
		Kiến thức Chuyên ngành	72	39.0	15.0	18		
18	31342227	Cơ, sóng cơ và thiên văn	4	3	1	0		
19	31342228	Điện và từ	4	3	1	0		
20	31342229	Nhiệt học và quang học	4	3	1	0		
21	31341002	Vật lý trong Khoa học tự nhiên	4	2	1	1		
22	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	2	0	0	2		
23	31322232	Thí nghiệm nhiệt học và quang học	2	0	0	2		
24	31441318	Hóa vô cơ	4	3	1	0		
25	31442233	Hóa học hữu cơ	4	3	1	0		
26	31441018	Hóa học trong Khoa học tự nhiên	4	2	1	1		
27	31422235	Thí nghiệm hóa vô cơ và hữu cơ	2	0	0	2		
28	31531005	Di truyền và tiến hóa	3	2	0	1		
29	31521006	Sinh học Động Vật	2	1.5	0.5	0		
30	31531007	Sinh học con người	3	2	0	1		
31	31532239	Sinh học trong Khoa học tự nhiên	3	2	0	1		
32	31542238	Sinh học thực vật	4	3	0	1		
33	31531008	Tế bào và vi sinh vật	3	2	0	1		
34	31521009	Sinh thái và môi trường	2	1.5	0.5	0		
		Học phần Tự chọn	18	6	7	5		
35	31422249	Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học tự nhiên	2	1.5	0.5	0		
36	31522251	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Khoa học tự nhiên	2	0	2	0		
37	31331003	Thiết bị dạy học tự làm môn KHTN	3	0	0	3		
38	31432253	Bài tập Khoa học tự nhiên ở trung học cơ sở	3	1	2	0		
39	31322254	Dạy học STEM trong Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
40	31421306	Hóa học môi trường	2	1.5	0.5	0		
41	31421003	Thực tế chuyên môn	2	0	0	2		
42	31421034	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp chuyên môn	2	1	1	0		



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm	32	20	8	4		
43	32041719	Tâm lý học giáo dục	4	3	1	0		
44	32031255	Giáo dục học	3	2.5	0.5	0	32041719	
45	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	1	1	0	32031255	
46	31531010	Phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
47	31421005	Nhập môn ngành sư phạm Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
48	31532244	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
49	31432245	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		
50	31322246	Kiểm tra đánh giá trong Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
51	31432247	Thực hành dạy học Khoa học tự nhiên	3	0	0	3		
52	31431054	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		
		Học phần Tự chọn	4	2.5	0.5	1		
53	31422250	Ứng dụng tin học trong dạy học Khoa học tự nhiên	2	1	0	1		
54	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	1.5	0.5	0		
		Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	2	4	12		
55	31421058	Kiểm tập sư phạm	2	0	0	2		
56	31441059	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	31421058	
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	2	4	6		
57	31461060	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	6		
58	31431017	Chuyên đề Khoa học tự nhiên 1	3	1	2	0		
59	31331004	Chuyên đề Khoa học tự nhiên 2	3	1	2	0		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			149	83	30	37		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			115	72	18	25		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15					

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA

Trần Đức Mạnh

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Khoa học Tự nhiên

Khóa: 2021

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐHSP ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	32041719	Tâm lý học giáo dục	4	3	1	0		
	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
	31121004	Giải tích	2	1.5	0.5	0		
	31121005	Đại số tuyến tính	2	1.5	0.5	0		
	31421005	Nhập môn ngành sư phạm Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
	31442259	Hóa học đại cương	4	3	1	0		
	31531005	Di truyền và tiến hóa	3	2	0	1		
		Học phần Tự chọn	0	0	0	0		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	19	13	4	2			
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0		
	31342227	Cơ, sóng cơ và thiên văn	4	3	1	0		
	32031255	Giáo dục học	3	2.5	0.5	0	32041719	
	31542238	Sinh học thực vật	4	3	0	1		
	31422261	Thí nghiệm hóa đại cương	2	0	0	2	31442259	
	31922225	Khoa học trái đất	2	1.5	0.5	0		
		Học phần Tự chọn	0	0	0	0		
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	18	13	2	3			
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0	21231902	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	1	1	0	32031255	
	31441318	Hóa vô cơ	4	3	1	0		
	31342228	Điện và từ	4	3	1	0		
	31322231	Thí nghiệm cơ và điện	2	0	0	2		
		Học phần Tự chọn	4	2.5	0.5	1		
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
	31422249	Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học tự nhiên	2	1.5	0.5	0		A
31422250	Ứng dụng tin học trong dạy học Khoa học tự nhiên	2	1	0	1			
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	20	13.5	3.5	3			
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	21321901	
	31442233	Hóa học hữu cơ	4	3	1	0		
	31531008	Tế bào và vi sinh vật	3	2	0	1		
	31342229	Nhiệt học và quang học	4	3	1	0		
	31431054	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		
		Học phần Tự chọn	4	1.5	2.5	0		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		
	31421306	Hóa học môi trường	2	1.5	0.5	0		
	31522251	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Khoa học tự nhiên	2	0	2	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	20	13.5	5.5	1			
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	21221903	
	31531010	Phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
	31432245	Phương pháp dạy học Khoa học tự nhiên	3	2	1	0		



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
5	31532244	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	3	2.5	0.5	0		
	31422235	Thí nghiệm hóa vô cơ và hữu cơ	2	0	0	2		
	31322232	Thí nghiệm nhiệt học và quang học	2	0	0	2		
		Học phần Tự chọn	4	2	2	0		
	31322254	Dạy học STEM trong Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
	31421034	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp chuyên môn	2	1	1	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	19	11	4	4		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0		
	31521006	Sinh học động vật	2	1.5	0.5	0		
	31322246	Kiểm tra đánh giá trong Khoa học tự nhiên	2	1	1	0		
	31432247	Thực hành dạy học Khoa học tự nhiên	3	0	0	3		
	31521009	Sinh thái và môi trường	2	1.5	0.5	0		
	31441018	Hóa học trong Khoa học tự nhiên	4	2	1	1		
		Học phần Tự chọn	5	1	2	2		
	31421003	Thực tế chuyên môn	2	0	0	2		
	31432253	Bài tập Khoa học tự nhiên ở trung học cơ sở	3	1	2	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	20	9.0	5.0	6		
7	31531007	Sinh học con người	3	2	0	1		
	31341002	Vật lý trong Khoa học tự nhiên	4	2	1	1		
	31532239	Sinh học trong Khoa học tự nhiên	3	2	0	1		
	31421058	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2		
		Học phần Tự chọn	5	1.5	0.5	3		
	31331003	Thiết bị dạy học tự làm môn KHTN	3	0	0	3		
	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	1.5	0.5	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	17	7.5	1.5	8		
8	31441059	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	31421058	
		Học phần Tự chọn	12	2	4	6		
	31461060	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	6		
	31431017	Chuyên đề Khoa học tự nhiên 1	3	1	2	0		
	31331004	Chuyên đề Khoa học tự nhiên 2	3	1	2	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	16	2	4	10		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA

Đan Đức Mạnh

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang